

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIÊN BIÊN**  
**TRƯỜNG THCS XÃ POM LÓT**

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin kết quả giáo dục thực tế của Trường trung học cơ sở xã Pom Lót**  
**Năm học 2024 -2025**

| STT        | Nội dung                                                                     | Tổng số      | Chiara theo khối lớp |              |              |              |
|------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|--------------|--------------|--------------|
|            |                                                                              |              | Lớp 6                | Lớp 7        | Lớp 8        | Lớp 9        |
| <b>I</b>   | <b>Số học sinh chia theo rèn luyện</b>                                       | <b>622</b>   | <b>139</b>           | <b>189</b>   | <b>149</b>   | <b>145</b>   |
| 1          | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 522<br>83,9% | 117<br>84,2%         | 163<br>86,2% | 124<br>83,2% | 118<br>81,4% |
| 2          | Khá<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 77<br>12,4%  | 20<br>14,4%          | 21<br>11,1%  | 18<br>12,1%  | 18<br>12,4%  |
| 3          | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 21<br>3,4%   | 1<br>0,7%            | 4<br>2,1%    | 7<br>4,7%    | 9<br>6,2%    |
| 3          | Chưa đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                           | 2<br>0,3%    | 1<br>0,7%            | 1<br>0,5%    | 0            | 0            |
| <b>II</b>  | <b>Số học sinh chia theo học tập</b>                                         | <b>622</b>   | <b>139</b>           | <b>189</b>   | <b>149</b>   | <b>145</b>   |
| 1          | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 121<br>19,5% | 13<br>9,4%           | 43<br>22,6%  | 31<br>20,8%  | 34<br>23,4%  |
| 2          | Khá<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                                | 294<br>47,3% | 78<br>56,1%          | 86<br>45,5%  | 63<br>42,3%  | 67<br>46,2%  |
| 3          | Đạt                                                                          | 201<br>32,3% | 47<br>33,8%          | 59<br>31,2%  | 54<br>36,2%  | 41<br>28,3%  |
| 4          | Chưa đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                           | 6<br>1%      | 1<br>0,7%            | 1<br>0,5%    | 1<br>0,7     | 3<br>2%      |
| <b>III</b> | <b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>                                             | <b>622</b>   | <b>139</b>           | <b>189</b>   | <b>149</b>   | <b>145</b>   |
| 1          | Lên lớp<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                            | 616<br>99,7% | 138<br>99,3%         | 188<br>99,5% | 148<br>99,3% | 142<br>98%   |
| a          | HSXS<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                               | 20<br>3,1%   | 1<br>0,7%            | 5<br>2,6%    | 3<br>2,0%    | 11<br>7,6%   |
| b          | Học sinh giỏi;<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                     | 102<br>16,4% | 12<br>8,6%           | 38<br>20,1%  | 29<br>19,5%  | 23<br>15,9%  |
| 2          | Thi lại<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                            | 3<br>0,5%    | 1<br>0,5%            | 1<br>0,5%    | 5<br>3,4%    | 0            |
| 3          | Lưuban<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                             | 6<br>1%      | 1<br>0,7%            | 1<br>0,5%    | 1<br>0,7     | 3<br>2%      |
| 4          | Chuyển trường đến/đi (tỷ<br>lệ so với tổng số)                               | 0            | 0                    | 0            | 0            | 0            |
| 5          | Bị đuổi học<br>(tỷ lệ so với tổng số)                                        | 0            | 0                    | 0            | 0            | 0            |
| 6          | Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0 %     | 0                    | 0            | 0            | 0<br>0%      |
| <b>IV</b>  | <b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>                         | <b>251</b>   | <b>41</b>            | <b>64</b>    | <b>67</b>    | <b>81</b>    |
| 1          | Cấp tỉnh                                                                     | 33           | 2                    | 8            | 6            | 17           |
| 1          | Cấp huyện                                                                    | 90           | 14                   | 26           | 24           | 26           |
| 2          | Cấp trường                                                                   | 128          | 25                   | 30           | 37           | 38           |
| 3          | Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế                                       | 0            | 0                    | 0            | 0            | 0            |
| <b>V</b>   | <b>Số học sinh dự xê hoặc dự thi tốt nghiệp</b>                              | <b>145</b>   | <b>0</b>             | <b>0</b>     | <b>0</b>     | <b>145</b>   |

|             |                                                                        |            |       |       |       |            |
|-------------|------------------------------------------------------------------------|------------|-------|-------|-------|------------|
| <b>VI</b>   | <b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>                           | <b>142</b> |       |       |       | <b>142</b> |
| <b>VII</b>  | <b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng<br/>(tỷ lệ so với tổng số)</b> |            |       |       |       |            |
| <b>VIII</b> | <b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>                                  | 328/294    | 74/65 | 93/96 | 83/66 | 78/67      |
| <b>IX</b>   | <b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>                                    | 353        | 83    | 105   | 85    | 80         |
| <b>X</b>    | <b>Tuyển sinh</b>                                                      | 139        | 139   |       |       |            |

*Pom Lót, ngày 25 tháng 6 năm 2025*  
**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Thị Bích Nga**